

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 12 - 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lục Văn Vãn;
2. Ông: Bùi Nguyên Thoại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLST– HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị T - Sinh năm 1991 . Có mặt tại phiên tòa

Địa chỉ: Tổ 18, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Bị đơn: Anh Trần Tuấn A - Sinh năm 1985 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKKHKT: Tổ 18, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Hiện nay bị đơn Trần Tuấn A đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Quách Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị T và anh Trần Tuấn A kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh Lào

Cai, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính nết hai người không hợp nhau, nên trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, anh Tuấn A chơi bời rồi bị nghiện ngập, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, đánh nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng vẫn không cải thiện được. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến tháng 01/2017 anh Trần Tuấn A vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử với mức án 02 năm tù giam và hiện nay anh Trần Tuấn A đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Nay chị Quách Thị T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tuấn A.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Trần Tuấn A có một người con chung là cháu Trần An N, sinh ngày 27/11/2009. Khi ly hôn chị Quách Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần An N đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh Trần Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Quách Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Tuấn A vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn anh thừa nhận như chị Quách Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, việc làm không ổn định nên vợ chồng hay xảy ra xích mích cãi cọ. Anh A chơi bời rồi vi phạm pháp luật, đến ngày 07/01/2017 anh A bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại phân trại 3, trại giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Đến nay chị Quách Thị T có đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh cũng nhất trí ly hôn với chị Quách Thị T theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị T có một người con chung là cháu Trần An N, sinh ngày 27/11/2009. Khi ly hôn anh nhất trí để chị Quách Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần An N đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh không có điều kiện nên không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Trần Tuấn A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Quách Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” Tòa án

nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Quách Thị T. Xử cho chị Quách Thị T được ly hôn với anh Trần Tuấn A. Giao con cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố L đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Trần Tuấn A, nhưng hiện nay do anh Trần Tuấn A đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Do đó anh Trần Tuấn A không thể tham gia tố tụng tại Tòa án và anh Trần Tuấn A đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn anh Trần Tuấn A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị T và anh Trần Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 02 năm 2009 tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, không có sự yêu thương chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Anh Tuấn A không chịu làm ăn, luôn chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con. Mẫu thuẫn của anh, chị cũng đã được hai bên gia đình hòa giải, xong tình cảm không cải thiện được. Do chơi bời rồi lâm vào con đường nghiện chất ma túy nên đến tháng 01/2017 anh Trần Tuấn A đã vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

xét xử Trần Tuấn A với mức án 02 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện nay anh Trần Tuấn A đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 3, Trại giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Quách Thị T và anh Trần Tuấn A đã kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay anh Trần Tuấn A đang phải chấp hành án phạt tù tại phân trại 3, Trại giam T, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tuấn A không còn. Về phía anh Tuấn A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị T và xử cho chị Quách Thị T được ly hôn với anh Trần Tuấn A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có một người con chung, cháu tên là Trần An N, sinh ngày 27/11/2009. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay anh Trần Tuấn A đang phải đi chấp hành án phạt tù không thể có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con cái được. Mặt khác cháu N từ trước đến nay vẫn do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, chị T vẫn đảm bảo về mọi mặt cho cháu. Về phía anh Tuấn A cũng nhất trí để chị T nuôi dưỡng cháu N. Hiện nay chị T làm nghề tự do, có mức thu nhập bình quân mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Còn đối với anh Trần Tuấn A hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam không thể có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng cho cháu N. Do đó cần giao cháu Trần An N cho chị Quách Thị T là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp quy định của pháp luật. Còn về vấn đề cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung, chị Quách Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Quách Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Quách Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Quách Thị T và anh Trần Tuấn A. Hôn nhân giữa chị Quách Thị T và anh Trần Tuấn A chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần An N, sinh ngày 27/11/2009 cho chị Quách Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm thời anh Trần Tuấn A không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị T phải chịu 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Quách Thị T đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004643 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị Quách Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn chị Quách Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Tuấn A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – Tập án;
- UBND phường B,
thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Nguyễn Thiên Hương

